| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ THƯỢNG LÂM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 497/QĐ-UBND | *Thượng Lâm, ngày 16 tháng 9 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình Xây dựng chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG LÂM

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/02/2025;*

*Căn cứ luật đầu tư công số 58/2024 QH15 ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu; Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;*

*Căn cứ Thông tư 73/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;*

*Căn cứ Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển tiếp quản lý tổ chức thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

*Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của Uỷ ban nhân dân xã Thượng Lâm về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Uỷ ban nhân dân xã Thượng Lâm về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 23/4/2024 của Uỷ ban nhân dân xã Thượng Lâm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập*

*báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm;*

*Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm;*

*Căn cứ Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm;*

*Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của hủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm Về việc thành lập Tổ chuyên gia lập HSMT, đánh giá HSDT, báo cáo kết quả chấm thầu gói thầu số 01: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm;*

*Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của hủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm Về việc thành lập Tổ thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm;*

*Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm;*

*Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Xây dựng Chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Báo cáo số 35/BC-KT ngày 15/9/2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình Xây dựng chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm, cụ thể như sau:

- Tên dự án: Xây dựng chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm.

- Chủ đầu tư:

+ Trước ngày 30/10/2025: Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm (trước sáp nhập).

+ Sau ngày 30/10/2025: Văn phòng HĐND và UBND xã Thượng Lâm.

*(Tại Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh).*

- Địa điểm xây dựng: Xã Thượng Lâm, tỉnh Tuyên Quang.

- Thời gian khởi công và hoàn thành (thực tế): Khởi công: 22/10/2024; Hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng: Ngày 24/11/2025.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:

**1.** Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung | Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| | **Tổng số** | **4.000.000.000** | **3.736.271.709** |
| 1 | Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | 0 | 0 |
| 2 | Xây dựng + Thiết bị | 3.470.539.000 | 3.340.220.927 |
| 3 | Quản lý dự án | 86.978.000 | 86.978.000 |
| 4 | Tư vấn xây dựng | 309.659.000 | 287.896.782 |
| 5 | Chi phí khác | 38.399.000 | 21.176.000 |
| 6 | Dự phòng | 94.425.000 | 0 |

**2.** Vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung | Tổng mức đầu tư (của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| | **Tổng số (1+2+3+4)** | **4.000.000.000** | **3.736.271.709** |
| **1** | **Vốn Đầu tư công** | **4.000.000.000** | **3.736.271.709** |
| ***1.1*** | ***Vốn Ngân sách nhà nước*** | **4.000.000.000** | **3.736.271.709** |
| | - Vốn ngân sách trung ương | **621.200.000** | **621.200.000** |
| | + Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách trung ương) | 621.200.000 | 621.200.000 |
| | -Vốn ngân sách địa phương | 3.378.800.000 | 3.115.071.709 |
| | - Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Đối ứng ngân sách địa phương) | 3.378.800.000 | 3.115.071.709 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **2** | **Vốn chi thường xuyên** | **0** | **0** |
| **3** | **Vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công** | **0** | **0** |
| **4** | **Vốn khác (nếu có)** | **0** | **0** |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng, trong đó:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: 0 đồng.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án: 3.736.271.709 đồng.

5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng (nếu có): 0 đồng.

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và đơn vị liên quan

**1.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

**1.1.** Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là 3.736.271.709 đồng; chi tiết:

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| | **Tổng số (1+2+3+4)** | **3.736.271.709** | |
| **1** | **Vốn Đầu tư công** | **3.736.271.709** | |
| ***1.1*** | ***Vốn Ngân sách nhà nước*** | **3.736.271.709** | |
| | - Vốn ngân sách trung ương | 621.200.000 | |
| | + Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách trung ương) | 621.200.000 | |
| | -Vốn ngân sách địa phương | 3.115.071.709 | |
| | - Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Đối ứng ngân sách địa phương) | 3.115.071.709 | |
| **2** | **Vốn chi thường xuyên** | - | |
| **3** | **Vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công** | - | |
| **4** | **Vốn khác (nếu có)** | - | |

**1.2.** Tổng khoản nợ tính đến ngày 11/8/2026 là:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 26.471.000 đồng.

Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo.

**2.** Văn phòng HĐND và UBND xã Thượng Lâm căn cứ nội dung được phê duyệt tại Quyết định này chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan thanh toán dứt điểm cho các đơn vị thực hiện dự án và thực hiện bảo hành, quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4; (thi hành)
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng giao dịch số 19 – Kho bạc nhà nước KV VIII;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã;
- Phó CVP HĐND và UBND xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ THƯỢNG LÂM T.TUYÊN QUANG

**Ma Công Khâm**

**Biểu số 01**

# BIỂU CÔNG NỢ DỰ ÁN
## Xây dựng chợ an toàn thực phẩm xã Thượng Lâm

*Đơn vị: đồng*

| STT | Nguồn vốn | Giá trị thẩm tra quyết toán | Giá trị chủ đầu tư đã thanh toán | Công nợ | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phải thu | Phải trả |
| | **Tổng cộng** | **3.736.271.709** | **3.709.800.709** | **0** | **26.471.000** |
| **I** | **Chi phí xây dựng + Thiết bị** | **3.340.220.927** | **3.340.220.927** | **0** | **0** |
| **III** | **Chi phí quản lý dự án** | **86.978.000** | **86.978.000** | **0** | **0** |
| **IV** | **Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng** | **287.896.782** | **282.601.782** | **0** | **5.295.000** |
| 1 | Chi phí khảo sát, lập BC KTKT | 163.386.000 | 158.091.000 | **0** | 5.295.000 |
| 2 | Chi phí lập hồ sơ mời thầu thi công xây dựng, đánh giá hồ sơ dự thầu | 12.007.000 | 12.007.000 | **0** | **0** |
| 3 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định 24/2024/NĐ-CP) | 6.004.000 | 6.004.000 | **0** | **0** |
| 4 | Chi phí giám sát thi công xây dựng | 106.499.782 | 106.499.782 | **0** | **0** |
| **V** | **Chi phí khác** | **21.176.000** | **0** | **0** | **21.176.000** |
| 1 | Chi phí thẩm định BC KTKT | 0 | 0 | **0** | **0** |
| 2 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 21.176.000 | 0 | **0** | 21.176.000 |
| 3 | Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD) | 0 | 0 | **0** | **0** |
| **VII** | **Chi phí dự phòng** | 0 | 0 | **0** | **0** |
| - Tổng khoản nợ tính đến ngày 11/8/2026 là: | | | 26.471.000 | đồng | |
| + Tổng nợ phải thu: | | | 0 | đồng | |
| + Tổng nợ phải trả: | | | 26.471.000 | đồng | |